

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BA CHỄ**

Số: 2092/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ba Chẽ, ngày 26 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Nghĩa trang nhân dân thị trấn Ba Chẽ tại thôn Khe Hổ, xã Nam Sơn,
huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA CHỄ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày
22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật
Đất đai ngày 29/11/2013;

Các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập,
thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 44/2015/NĐ-CP ngày
16/5/2015 "Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số
72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy
hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 16/5/2015 quy định chi tiết một
số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 24/10/2022 của Bộ Xây Dựng
quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy
hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng
và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh Quảng
Ninh phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm
2040, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh
Quảng Ninh về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung tỷ lệ 1/5000 thị trấn Ba
Chẽ, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND huyện
về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 xã Nam Sơn,
huyện Ba Chẽ đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện Ba

Chế về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân thị trấn Ba Chẽ tại thôn Khe Hố, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ;

Căn cứ Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân thị trấn Ba Chẽ tại thôn Khe Hố, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ;

Căn cứ Văn bản số 8945/UBND-QH1 ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết; quy hoạch tổng mặt bằng (tổng mặt bằng) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Tờ trình số 98/TTr-KTHT ngày 26/4/2023, của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Tờ trình số 292/TTr-ĐTXD ngày 11/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân thị trấn Ba Chẽ tại thôn Khe Hố, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ (kèm các bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500), với những nội dung chính như sau:

1. Lý do điều chỉnh quy hoạch

- Để đồng bộ khớp nối với hạ tầng kỹ thuật theo Quy hoạch xây dựng vùng huyện đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung xây dựng xã Nam Sơn đến năm 2040 và định hướng Quy hoạch chung thị trấn Ba Chẽ đến năm 2040.

- Điều chỉnh mở rộng diện tích nghiên cứu để đầu nối hạ tầng kỹ thuật, xây dựng mái ta luy, đảm bảo an toàn và hiệu quả hạ tầng kỹ thuật, tiết kiệm kinh phí đầu tư xây dựng; giữ nguyên diện tích khu nghĩa trang chính.

- Điều chỉnh, bổ sung các hạng mục cho phù hợp với tình hình thực tế hiện tại, như: Bổ sung khu xử lý nước thải; điều chỉnh một số khu mộ đơn lẻ thành khu mộ dòng họ, gia đình để phù hợp với tập quán địa phương; điều chỉnh hồ nước điều hoà thành khu cây xanh nhằm đảm bảo môi trường, cảnh quan xung quanh và điều chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đồng bộ, thuận lợi cho việc quản lý, thăm viếng và chôn cất, ...

2. Phạm vi ranh giới, diện tích quy hoạch

- Vị trí: Thuộc thôn Khe Hố, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh, ranh giới khu đất được xác định cụ thể như sau:

+ Phía Đông giáp đường giao thông vào thôn Khe Hố.

+ Phía Tây, phía Nam, phía Bắc giáp đất rừng sản xuất.

- Diện tích quy hoạch: 95.975,2m² (9,59ha), được giới hạn bởi các điểm A1, A2, A13, A14, A1. Cụ thể:

+ Diện tích đất xây dựng nghĩa trang là 60.827,1m² (6,08ha), được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 3, ... 21, 22, 1.

+ Diện tích đất mở rộng trung dụng làm taluy, đầu nối hạ tầng kỹ thuật là: 35.148,1m² (3,51ha), được giới hạn bởi các điểm A1, A2, ... A22, 1, 22, 21, 20, ... 5, 4, 3, A1.

3. Tính chất, mục tiêu, quy mô

- Tính chất: Là khu nghĩa trang nhân dân, đáp ứng nhu cầu an táng của nhân dân trên địa bàn thị trấn Ba Chẽ và các khu vực lân cận: xã Nam Sơn, xã Đồn Đạc.

- Mục tiêu:

+ Nhằm cụ thể hóa định hướng Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung thị trấn đến năm 2040 và Quy hoạch chung xây dựng xã Nam Sơn đến năm 2040.

+ Nghiên cứu quy hoạch nghĩa trang nhân dân đáp ứng nhu cầu an táng của nhân dân trên địa bàn thị trấn Ba Chẽ, xã Nam Sơn, xã Đồn Đạc. Quy hoạch chi tiết các khu chôn cất gồm các hình thức táng: Hung táng, cát táng kết hợp khu cây xanh theo định hướng quy hoạch vùng huyện.

+ Quy hoạch với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn về nghĩa trang hiện hành, đảm bảo khớp nối hạ tầng kỹ thuật với hiện trạng khu vực; tuân thủ các quy định hiện hành. Tôn trọng địa hình tự nhiên, hạn chế tối đa việc thay đổi địa hình khu vực nghiên cứu.

+ Lập quy hoạch chi tiết xây dựng làm cơ sở phục vụ công tác quản lý quy hoạch, đất đai, triển khai đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khu vực.

+ Tránh việc chôn cất tùy tiện, tự phát trong khu vực dân cư, làm trở ngại cho việc triển khai các dự án mới và ô nhiễm môi trường.

- Quy mô:

+ Tổng diện tích quy hoạch: 95.975,2m² (diện tích đất xây dựng nghĩa trang: 60.827,1m²; diện tích đất trung dụng làm taluy, đầu nối hạ tầng kỹ thuật: 35.148,1m²).

+ Tổng số mộ cát táng quy hoạch: 5.316 mộ, với diện tích 19.639,3 m², bao gồm 1.251 ô mô gia đình (5004 mộ đơn) và 312 mộ cát táng đơn lẻ.

+ Tổng số mộ hung táng: 274 mộ, với diện tích 2.569,8 m².

4. Nội dung chính của quy hoạch

4.1. Cơ cấu sử dụng đất

- Bảng so sách cơ cấu sử dụng đất khi điều chỉnh:

TT	Ký hiệu	Danh mục	Diện tích lô đất (m ²)	Mật độ XD (%)	Số ô m ²	Số m ²	Quy hoạch
A	---	Nghĩa trang nhân dân thị trấn Ba Chẽ	95.975,2		1251	5590	
I	A, B	Đất các khu chôn cất	22.209,1		1251	5590	
I	A	Khu cất táng	19.639,3		1251	5316	
1.1	A1	Mộ cất táng	414,3	60,0	28	112	
1.2	A2	Mộ cất táng	427,5	60,0	29	116	
1.3	A3	Mộ cất táng	600,6	60,0	42	168	
1.4	A4	Mộ cất táng	763,0	60,0	51	204	
1.5	A5	Mộ cất táng	523,4	60,0	36	144	
1.6	A6	Mộ cất táng	604,3	60,0	42	168	
1.7	A7	Mộ cất táng	554,3	60,0	38	152	
1.8	A8	Mộ cất táng	720,8	60,0	50	200	

- Danh mục sử dụng đất:

Ký hiệu	Danh mục	QH đã duyệt năm 2017		QH điều chỉnh		Tăng (giảm) m ²
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
A, B	Đất nghĩa trang	25.764,9	39,91	22.209,1	23,1	-3.555,8
A1-A30	Khu cất táng	20.477,6	31,72	19.639,3	20,5	-838,3
B1-B4	Khu hung táng	5.287,3	8,19	2.569,8	2,7	-2.717,5
C, D, E, F, G	Đất công trình dịch vụ, công cộng	6.166,0	9,55	6.346,5	6,6	180,5
C	Khu nhà quản trang - đỗ xe	1.085,3	1,68	649,1	0,7	-436,2
D	Khu miếu thờ thần	960,3	1,49	960,3	1,0	0,0
E	Khu tập kết chất thải rắn	144,4	0,22	144,4	0,2	0,0
F	Công trình phụ trợ	3.976,0	6,16	3.976,0	4,1	0,0
G	Khu xử lý nước thải	0,0	0,00	616,7	0,6	616,7
CX, MN	Đất cây xanh - mặt nước	15.026,0	23,27	14.767,9	15,4	-258,1
GT	Đất giao thông, HTKT và Taluy	17.604,1	27,27	52.651,7	54,9	35.047,6
	Tổng cộng	64.561,0	100,00	95.975,2	100,0	31.414,2

1.9	A9	Mô cát tăng	726,7	60,0	48	192
1.10	A10	Mô cát tăng	635,3	60,0	42	168
1.11	A11	Mô cát tăng	361,3	60,0	26	104
1.12	A12	Mô cát tăng	398,1	60,0	27	108
1.13	A13	Mô cát tăng	933,4	60,0	65	260
1.14	A14	Mô cát tăng	510,6	60,0	36	144
1.15	A15	Mô cát tăng	854,0	60,0	59	236
1.16	A16	Mô cát tăng	851,8	60,0	60	240
1.17	A17	Mô cát tăng	1.177,4	60,0	85	340
1.18	A18	Mô cát tăng	954,1	60,0	70	280
1.19	A19	Mô cát tăng	1.460,7	60,0	105	420
1.20	A20	Mô cát tăng	521,7	60,0	42	168
1.21	A21	Mô cát tăng	340,8	60,0	28	112
1.22	A22	Mô cát tăng	420,5	60,0	34	136
1.23	A23	Mô cát tăng	380,4	60,0	30	120
1.24	A24	Mô cát tăng	340,6	60,0	26	104
1.25	A25	Mô cát tăng	1.277,4	60,0	76	304
1.26	A26	Mô cát tăng	1.357,9	60,0	76	304
1.27	A27	Mô cát tăng	391,3	60,0	82	
1.28	A28	Mô cát tăng	255,6	60,0	52	
1.29	A29	Mô cát tăng	315,4	60,0	66	
1.30	A30	Mô cát tăng	304,0	60,0	62	
1.31	A31	Mô cát tăng	262,1	60,0	50	
2	B	<i>Khu hung tăng</i>	2.569,8			274
2.1	B1	Mô hung tăng	528,0	60,0	60	
2.2	B2	Mô hung tăng	924,0	60,0	102	
2.3	B3	Mô hung tăng	612,9	60,0	61	
2.4	B4	Mô hung tăng	504,9	60,0	51	
II		Đất công trình dịch vụ, công cộng	6.346,5			
1	C	<i>Khu nhà quản trang - đỗ xe</i>	649,1	20,0		
1.1	C1	Nhà quản trang	126,5			
1.4	CX	Cây xanh	234,6			
1.5	SB	Sân đường nội bộ, bãi đỗ xe	288,0			
2	D	<i>Khu miêu thổ thân</i>	960,3	10,0		
2.1	D1	Miêu thổ thân	15,0			
2.2	CX	Cây xanh	569,7			
2.3	CX	Sân đường nội bộ	375,6			

3	E	Khu tập kết chất thải rắn	144,4	40,0
3.1	E1	Bể tập kết chất thải rắn	24,0	
3.2	CX	Cây xanh	50,7	
3.3	CX	Sân đường nội bộ	69,7	
4	F	Công trình phụ trợ	3.976,0	
4.1	F1	Bảo tháp	10,0	
4.2	F2	Chòi nghỉ	20,0	
4.3	F3	Công nghĩa trang	30,0	
4.1	P, V	Khu đỗ xe	1.988,0	
4.2	P2-P6	Bãi đỗ xe ô tô	1.117,0	
4.3	V1-V4	Bãi đỗ xe máy	871,0	
5	G	Khu xử lý nước thải	616,7	40,0
5.1		Bể xử lý nước thải	246,7	
5.2	CXCL	Cây xanh	370,0	
III	CX,MN	Đất cây xanh	14.767,9	
1.1	CX1	Cây xanh - sân vườn	162,6	
1.2	CX2	Cây xanh - sân vườn	2.099,3	
1.3	CX3	Cây xanh - sân vườn	1.680,5	
1.4	CX4	Cây xanh - sân vườn	539,7	
1.5	CX5	Cây xanh - sân vườn	115,0	
1.6	CX6	Cây xanh - sân vườn	604,4	
1.7	CX7	Cây xanh - sân vườn	637,3	
1.8	CX8	Cây xanh - sân vườn	1.196,1	
1.9	CX9	Cây xanh - sân vườn	72,5	
1.10	CX10	Cây xanh - sân vườn	80,8	
1.11	CX11	Cây xanh - sân vườn	49,1	
1.12	CX12	Cây xanh - sân vườn	35,0	
1.13	CX13	Cây xanh - sân vườn	36,8	
1.14	CX14	Cây xanh - sân vườn	94,9	
1.15	CX15	Cây xanh - sân vườn	207,5	
1.16	CX16	Cây xanh - sân vườn	99,9	
1.17	CX17	Cây xanh - sân vườn	385,5	
1.18	CX18	Cây xanh - sân vườn	451,8	
1.19	CX19	Cây xanh - sân vườn	229,9	
1.20	CX20	Cây xanh - sân vườn	870,2	
1.21	CV	Cây xanh cảnh quan	2.822,0	
1.22	CXCL1	Cây xanh cách ly	372,8	

1.23	CXCL2	Cây xanh cách ly	305,9		
1.24	CXCL3	Cây xanh cách ly	462,0		
1.25	CXCL4	Cây xanh cách ly	384,0		
1.26	CXCL5	Cây xanh cách ly	772,4		
V	GT	Đất đường giao thông & HTKT	52.651,7		
1	GT	Đất đường giao thông & HTKT	17.503,6		
2	TL	Đất xin trung dụng làm Taluy	35.148,1		

- Bảng cân bằng sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình	13.797,6	22,7
II	Đất cây xanh	15.992,9	26,3
III	Đất đường giao thông, sân đường, HTKT	31.036,5	51,0
A	Đất xây dựng nghĩa trang	60.827,1	100,0
B	Đất xin trung dụng làm Taluy	35.148,1	
C	Tổng diện tích nghiên cứu	95.975,2	

4.2. Định hướng quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan

- Không gian khu vực cổng vào, bãi đỗ xe, khu công viên cây xanh: Đây là các trục không gian mở, tạo ra các hướng nhìn đẹp, thoáng đãng. Trồng các loại cây có tán rộng để lấy bóng mát và các loại cây xanh cảnh quan, cây cảnh, cây lá màu và hoa, các kiến trúc nhỏ, mảng cây xanh để cải thiện môi trường không gian kiến trúc cảnh quan.

- Không gian các công trình nhà quản trang, miếu thờ thần: Tổ chức các khu vườn hoa, thảm cỏ, tượng đài, kiến trúc nhỏ. Các công trình có hướng chính quay ra khu vực trung tâm, và có lối vào tiếp cận trực tiếp với đường giao thông. Công trình kiến trúc có dây chuyền, công năng sử dụng hợp lý, hình thức kiến trúc giản dị, gần gũi.

- Không gian khu mộ hung táng: Đây là các khu vực có cốt cao độ thấp, độ dốc không lớn, mặt cắt địa chất có chiều dày lớp đất bề mặt dày hơn. Toàn bộ khu chôn cất được chia thành các ô chôn cất, các ô chôn cất được ngăn cách nhau và ngăn cách với đường giao thông bằng các dải cây xanh cách ly từ 3m đến 5m. Chiều rộng các lối đi bộ là 3m. Trong các ô chôn cất được chia thành các nhóm mộ, lối đi giữa 02 hàng mộ là 1,2m; khoảng cách giữa 02 mộ liên tiếp cùng hàng là 0,8m. Hình thức kiến trúc mộ được thiết kế khác nhau nhưng phù hợp với từng ô chôn cất và phải được thống nhất cùng kích thước. Toàn bộ nước rò rỉ từ khu vực nghĩa trang hung táng được thu gom về trạm xử lý nước thải để xử lý.

- Không gian khu mộ cát táng: Các khu mộ cát táng được bố trí ở các khu vực có cốt cao độ cao hơn, thành 02 hình thức chôn cất chính: mộ cát táng đơn và mộ cát táng gia đình. Tận dụng địa hình tự nhiên để tổ chức giao thông và phân chia các dãy mộ tránh phải đào đắp san gạt nhiều. Khoảng cách giữa 2 mộ liên tiếp cùng hàng là 0,8m, giữa 02 hàng mộ là 1,0m. Những khu vực có độ dốc lớn thì tổ chức khoảng cách giữa 02 hàng mộ lớn hơn để làm ta-luy chắn đất và lối đi lại; đảm bảo lối đi lại tối thiểu giữa 2 hàng mộ là 0,8m. Hình thức kiến trúc mộ xây, bia mộ, kích thước mộ, màu sắc, hướng mộ phải thống nhất nhau trong từng ô chôn cất.

- Không gian khu vực cây xanh cách ly: Các khu vực giáp hàng rào nghĩa trang, quy hoạch các dải cây xanh cách ly đảm bảo cảnh quan vệ sinh môi trường.

4.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a. Quy hoạch giao thông

- Lấy cốt san nền là đường quy hoạch phía Đông của dự án, từ thị trấn Ba Chẽ đi thôn Khe Hố làm cốt không chế. Mạng lưới được thiết kế theo dạng ô cờ, tạo ra mạng lưới giao thông liên hoàn, kết hợp với các tuyến đường cong bán kính lớn đảm bảo đầu nối thuận lợi giữa các khu trong nghĩa trang.

- Đường trục chính nghĩa trang mặt cắt ngang rộng 10,00m mặt cắt 1-1; Tuyến có tổng chiều dài là 433m.

- Đường có mặt cắt ngang rộng 6,50m mặt cắt 2-2; Tuyến có tổng chiều dài là 569m.

- Đường có mặt cắt ngang rộng 8,50m mặt cắt 5-5; Tuyến có tổng chiều dài là 204m.

b. Quy hoạch san nền

- Thiết kế san nền đảm bảo thống nhất trên toàn bộ khu vực. Độ dốc nền công trình để đảm bảo thoát nước tự chảy. Thoát nước mưa thuận tiện và không ngập úng.

- Tại các vị trí xung quanh dự án có sự chênh cao với hiện trạng cần có biện pháp xử lý bằng kè, taluy phù hợp với kỹ thuật.

- Cao độ không chế từ (23,8-71,0)m; giữa các dãy mộ cần bố trí kè hoặc taluy để giải quyết chênh cao và sử dụng bậc thang kết nối đi lại thuận tiện.

- Cao độ san nền được thiết kế theo phương pháp đường đồng mức thiết kế, độ chênh cao giữa 02 đường đồng mức $\Delta H = (0,1-1,0)m$. Độ dốc nền thiết kế $i \geq 0,004$, đảm bảo thoát nước tự chảy, khớp nối với hệ thống giao thông đối nội, phù hợp với định hướng kiến trúc cảnh quan; hướng dốc sân trường từ Tây-Bắc xuống Đông - Nam.

c. Quy hoạch thoát nước mặt

- Nước mưa là hệ thống thoát nước riêng được dẫn vào rãnh hở, cống và đưa xả ra khu vực trồng, nương hiện trạng của dự án. Vạch tuyến mạng lưới thoát nước mưa: các tuyến cống được đặt dọc theo các trục đường nội bộ, góc tụ thủy các khu sân bãi, thu nước mặt từ các trục đường, sân sảnh các lô thông qua các hố thu, rãnh hở đặt trực tiếp ở hai bên đường, góc sân.

- Các tuyến rãnh hở, cống có độ dốc thiết kế luôn không nhỏ hơn độ dốc nhỏ nhất cho phép và cũng bám sát độ dốc địa hình để giảm thiểu tối đa chiều sâu đặt ống.

- Dọc đường xây dựng những ga thu thăm nước mưa ở những vị trí đặt cống theo khoảng cách quy định từ 30m, rãnh thu nước có bề rộng là B300, B500, B600 thoát nước nghĩa trang nhanh chóng và tiết kiệm, vị trí qua đường cần đặt nắp đan (đảm bảo an toàn). Tại các điểm đầu nối và chuyển hướng xây dựng các giếng thăm.

d. Quy hoạch thoát nước thải, thu gom chất thải rắn và vệ sinh môi trường

- Nước thải: Nước rỉ từ các khu mộ hung táng và nước thải sinh hoạt được thu gom theo hệ thống thoát riêng và tập trung chảy về qua hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra ngoài. Xây dựng các tuyến cống ngầm chạy dưới chân kè và tuyến cống bao quanh khu đất để thu nước rò rỉ của khu mộ về bể xử lý nước thải. Công suất trạm xử lý nước thải: $35\text{m}^3/\text{ng.đ}$. Công nghệ xử lý áp dụng công nghệ AAO kết hợp với màng MBR để xử lý. Nước sau xử lý phải đạt tiêu chuẩn loại B (TCVN 5945-2010) trước khi thoát ra môi trường.

- Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt khu vực nghiên cứu được thu gom tập trung. CTR cần được phân loại tại nguồn thành CTR vô (kim loại, thủy tinh, giấy, nhựa...) và CTR hữu cơ (thực phẩm thừa, rau, quả, củ...), hai loại này được để vào bao chứa riêng. Chất rắn vô cơ được định kỳ thu gom và tận dụng tối đa đem đi tái chế. CTR hữu cơ được thu gom hàng ngày đem đi chôn lấp tại khu xử lý CTR chung. Bố trí các thùng chứa CTR có nắp đậy ven trục đường giao thông, ở các vị trí thuận tiện cho việc thu gom. Quy hoạch khu tập kết chất thải rắn cho toàn bộ khu vực trước khi vận chuyển đến khu xử lý chung của huyện.

e. Quy hoạch cấp nước

- Tổng nhu cầu cấp nước là $48,8\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nguồn nước dự kiến được lấy từ hệ thống cấp nước chung của khu vực (trước mắt sử dụng xe téc để cấp nước hàng ngày đổ vào bể chứa cho nước ngầm 50m^3 dự trữ nước trong 03 ngày) phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của các cán bộ quản trang và dịch vụ. Nước phục vụ cho tưới cây được bơm cấp từ giếng khoan.

- Bố trí một trạm bơm tăng áp với: 02 hệ thống với 04 máy bơm: Bơm nước tưới và bơm nước sạch), bố trí một bể chứa nước 50m^3 02 ngăn, và 01 nhà bơm tại vị trí phía sau nhà điều hành.

- Tuyến đường ống chính $\Phi 75$ cấp cho khu nhà quản trang và hướng xuống phía Nam đến khu xử lý nước thải, dùng đường ống nhựa HDPE PN10 chịu áp lực.

- Các tuyến đường ống từ trạm bơm đến các trụ lấy nước dùng đường ống nhựa HDPE PN10 chịu áp lực, có đường kính ống $\Phi 50$. Các tuyến đường phân phối, nhánh được dùng ống nhựa HDPE PN10 có đường kính $\Phi 32$.

- Khu văn phòng khu quản trang sẽ trang bị các phương tiện phòng cháy chữa cháy bao gồm hệ thống nước chữa cháy, bình chữa cháy, cát, bao tải; hệ thống báo cháy và báo động (còi, keng); xe đẩy vận chuyển, bảng báo cấm lửa, tiêu lệnh chữa cháy. Bố trí các dụng cụ chữa cháy ở nơi thuận tiện cho thao tác, không bị che chắn. Bố trí các bảng hiệu ở nơi dễ thấy, dễ đọc.

f. Quy hoạch cấp điện

- Nguồn cấp điện cho các phụ tải trong khu vực Nghĩa trang dự kiến được lấy tại đường dây hạ thế 0,4kV trên không phía nam dự án, hướng đi trung tâm Ba Chẽ, cách dự án khoảng 1000m.

- Lưới điện hạ áp 0,4KV: Xây dựng mới hệ thống cột điện bê tông ly tâm H=8,5m để dẫn cáp vào đầu ranh giới dự án. Cáp dẫn điện hạ áp sử dụng loại cáp nhôm vặn xoắn ABC 4x95mm² từ điểm đấu nối đi trên đầu hệ thống cột điện hạ áp dựng mới, cáp được cố định bằng các phụ kiện đai thép, móc treo và đai kẹp siết cáp.

- Lưới điện chiếu sáng: Cấp điện cho hệ thống chiếu sáng giao thông trong khu vực. Nguồn được lấy từ 1 lộ trong tủ điện hạ áp lắp đặt trên thân cột điện cấp đến tủ điều khiển chiếu sáng. Cáp từ tủ điều khiển sau đó cáp đến các cần đèn tiết diện 4x10mm², từ cần đèn lên bóng đèn dùng dây Cu/PVC 2x1,5mm². Các tuyến đường có chiều rộng 7,0m được chiếu sáng bằng các cột đèn bố trí một bên. Cột đèn dùng loại cột đèn thép tròn côn liền cần đơn H=8m, lắp bóng Led 90W. Các tuyến đường có chiều rộng 18,0m và khu vực bãi đỗ xe công ra vào được chiếu sáng bằng các cột đèn 02 bóng cao 14m, lắp bóng Led 120W.

g. Quy hoạch thông tin liên lạc

- Hệ thống cáp thông tin liên lạc được thiết kế đi nổi trên không, đấu nối đến các hệ thống tủ cáp trong công trình do các nhà mạng thứ cấp đầu tư.

- Tuyến cáp thông tin kết hợp đi cùng trên hệ thống cột dẫn điện hạ áp đấu nối từ nguồn cấp phía trung tâm Ba Chẽ. Cáp quang sử dụng loại cáp treo 4FO.

- Cáp quang, tủ cáp và các thiết bị của nhà mạng sẽ được đầu tư bởi các nhà mạng độc lập khi triển khai dự án trong tương lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chẽ, Ủy ban nhân dân xã Nam Sơn quản lý quy hoạch; chủ trì, phối hợp với Đội Kiểm tra trật tự đô thị và Môi trường quản lý giám sát việc xây dựng công trình theo quy hoạch được duyệt; đình chỉ xây dựng, xử phạt hành chính, cưỡng chế phá dỡ những công trình xây dựng trái phép, xây dựng sai phép, xây dựng không tuân theo quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng chủ trì, phối hợp với các phòng, ban chuyên môn của huyện, UBND xã Nam Sơn và UBND thị trấn Ba Chẽ cắm mốc, công bố, công khai quy hoạch.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng theo quy định.

- Các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính và Kế hoạch, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Đội Kiểm tra trật tự đô thị và Môi trường thực hiện quản lý Nhà nước đối với các dự án, công trình thuộc quy hoạch; hướng dẫn, đôn đốc UBND xã Nam Sơn, UBND thị trấn Ba Chẽ triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính và Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Ban quản lý dự án công trình; Đội trưởng Đội Kiểm tra trật tự đô thị và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chẽ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Sơn căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy, HĐND huyện (B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như điều 3 (thực hiện);
- Cơ quan Khối MTTQ và các đoàn thể huyện;
- Công Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, KTHT. *AD*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Khiếu Anh Tú